

KHẢO SÁT NHẬN THỨC VỀ GIÁ TRỊ NGHỀ NGHIỆP CỦA SINH VIÊN ĐIỀU DƯỠNG TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC, ĐẠI HỌC HUẾ NĂM 2025

Nguyễn Thị Nguyệt, Hồ Duy Bình và Trần Thị Nguyệt✉

Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

Nghiên cứu nhằm mô tả nhận thức về giá trị nghề nghiệp và xác định các yếu tố liên quan ở sinh viên điều dưỡng năm 3 và năm 4 tại Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế. Thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang tiến hành trên 271 sinh viên, sử dụng thang đo Nurses Professional Values Scale-3 (NPVS-3). Kết quả cho thấy nhận thức về giá trị nghề nghiệp của sinh viên điều dưỡng đạt mức trung bình khá; trong đó lĩnh vực chăm sóc được đánh giá cao nhất, còn lĩnh vực tính chuyên nghiệp có mức thấp nhất. Các yếu tố học lực, mức độ tự tin về kỹ năng lâm sàng có mối liên quan có ý nghĩa thống kê với nhận thức về giá trị nghề nghiệp. Trong đó, sinh viên có học lực từ giỏi trở lên và sinh viên tự tin về kỹ năng lâm sàng của bản thân có điểm nhận thức về giá trị nghề nghiệp cao hơn. Kết quả nhấn mạnh vai trò của năng lực học tập và trải nghiệm thực hành lâm sàng trong quá trình hình thành giá trị nghề nghiệp của sinh viên. Từ đó, nghiên cứu có thể kiến nghị cơ sở đào tạo điều dưỡng chú trọng nâng cao chất lượng đào tạo học thuật và hỗ trợ thực hành lâm sàng nhằm tăng cường sự tự tin về kỹ năng và thúc đẩy nhận thức về giá trị nghề nghiệp của sinh viên.

Từ khóa: Giá trị nghề nghiệp, sinh viên điều dưỡng, điều dưỡng.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nghề điều dưỡng được xây dựng trên nền tảng giá trị nghề nghiệp, đóng vai trò định hướng thái độ, hành vi và quyết định nghề nghiệp của người điều dưỡng trong thực hành chăm sóc.¹ Giá trị nghề nghiệp (Professional Values) trong điều dưỡng được hiểu là hệ thống những niềm tin và nguyên tắc cốt lõi định hướng hành vi của người điều dưỡng nhằm đảm bảo thực hành nghề nghiệp mang tính đạo đức, an toàn và nhân văn.^{2,3} Sự phát triển đầy đủ của hệ giá trị nghề nghiệp không chỉ là nền tảng của hành vi đạo đức mà còn góp phần hình thành bản sắc nghề nghiệp, nâng cao sự hài lòng trong công việc và chất lượng chăm sóc người bệnh.^{4,6}

Trong bối cảnh hệ thống y tế hiện nay, điều

dưỡng ngày càng đảm nhận vai trò quan trọng với mức độ tự chủ nghề nghiệp cao hơn; đồng thời phải đối mặt với nhiều thách thức đạo đức phức tạp trong thực hành chăm sóc.⁷ Những thay đổi này đòi hỏi người điều dưỡng không chỉ có năng lực chuyên môn vững vàng mà còn cần sở hữu hệ giá trị nghề nghiệp vững chắc để định hướng hành vi và đưa ra các quyết định nghề nghiệp phù hợp.⁴ Tuy nhiên, một số nghiên cứu cho thấy điều dưỡng chưa nhận thức đầy đủ về các giá trị nghề nghiệp cũng như mối liên hệ của các giá trị này với thực hành đạo đức, đặc biệt trong các bối cảnh văn hóa - xã hội khác nhau.^{1,8}

Đối với sinh viên điều dưỡng, việc hình thành và phát triển nhận thức về giá trị nghề nghiệp trong giai đoạn đào tạo có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Đây là giai đoạn xã hội hóa nghề nghiệp, trong đó sinh viên tiếp thu các chuẩn mực, vai trò và giá trị cốt lõi để hình thành bản sắc nghề nghiệp điều dưỡng.^{5,9} Nhiều nghiên cứu cho

Tác giả liên hệ: Trần Thị Nguyệt

Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

Email: tranthinguyet@hueuni.edu.vn

Ngày nhận: 16/01/2026

Ngày được chấp nhận: 02/03/2026

thấy sinh viên điều dưỡng thường đạt mức nhận thức về giá trị nghề nghiệp từ trung bình đến cao, trong đó lĩnh vực “chăm sóc” thường được đánh giá cao hơn so với “hoạt động nghề nghiệp” và “tính chuyên nghiệp”.^{3,10,11} Bên cạnh đó, nhận thức về giá trị nghề nghiệp của sinh viên chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố cá nhân và bối cảnh như tuổi, giới, năm học, kinh nghiệm lâm sàng, và môi trường đào tạo.^{10,12,13}

Thang đo Giá trị nghề nghiệp điều dưỡng (Nurses Professional Values Scale - NPVS), đặc biệt phiên bản NPVS-3 do Weis và Schank (2017) phát triển, đã được sử dụng rộng rãi để đo lường nhận thức về giá trị nghề nghiệp ở điều dưỡng và sinh viên điều dưỡng, với độ tin cậy và tính hợp lệ được chứng minh trong nhiều bối cảnh văn hóa khác nhau.^{3,4} Tuy nhiên, tại Việt Nam, các nghiên cứu về nhận thức giá trị nghề nghiệp của sinh viên điều dưỡng còn hạn chế, nghiên cứu của Lê Thị Kim Anh và cộng sự (2024) chỉ mới tiến hành trên sinh viên điều dưỡng tại Hồ Chí Minh.¹⁴ Việc đánh giá nhận thức về giá trị nghề nghiệp của sinh viên điều dưỡng có ý nghĩa quan trọng trong việc cung cấp bằng chứng khoa học phục vụ cho việc xây dựng và điều chỉnh các chiến lược giáo dục nhằm tăng cường tích hợp giá trị nghề nghiệp trong chương trình đào tạo điều dưỡng. Xuất phát từ thực tiễn đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm góp phần làm rõ nhận thức về giá trị nghề nghiệp của sinh viên điều dưỡng, từ đó hỗ trợ nâng cao chất lượng đào tạo và thực hành nghề nghiệp trong tương lai. Mục tiêu nghiên cứu gồm:

1. Khảo sát nhận thức về giá trị nghề nghiệp của sinh viên điều dưỡng tại Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế.

2. Tìm hiểu các yếu tố liên quan đến nhận thức về giá trị nghề nghiệp của sinh viên điều dưỡng tại Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

1. Đối tượng

Sinh viên điều dưỡng hệ chính quy năm thứ 3 và năm thứ 4 đang học tại Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế trong thời gian tiến hành nghiên cứu.

Tiêu chuẩn lựa chọn

Sinh viên được đưa vào nghiên cứu khi đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn sau: (1) Là sinh viên điều dưỡng hệ chính quy năm thứ 3 hoặc năm thứ 4; (2) Đã và đang tham gia học thực hành lâm sàng tại bệnh viện; (3) Đồng ý tham gia vào nghiên cứu.

Tiêu chuẩn loại trừ

Sinh viên vắng mặt tại thời điểm thu thập số liệu hoặc không hoàn thành đầy đủ bảng câu hỏi khảo sát.

2. Phương pháp

Thiết kế nghiên cứu

Mô tả cắt ngang.

Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu

Sử dụng phương pháp chọn mẫu toàn bộ. Toàn bộ sinh viên điều dưỡng hệ chính quy năm thứ 3 và năm thứ 4 đáp ứng tiêu chuẩn lựa chọn tại thời điểm nghiên cứu được mời tham gia. Tổng số sinh viên điều dưỡng năm thứ 3 và năm 4 là 322 sinh viên, trong đó 306 sinh viên đủ điều kiện tham gia vào nghiên cứu. Sau quá trình thu thập số liệu, có 35 phiếu khảo sát không hợp lệ; do đó, cỡ mẫu phân tích cuối cùng trong nghiên cứu này là 271 sinh viên.

Thời gian nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành từ tháng 08/2024 đến tháng 02/2026, trong đó thời gian thu thập số liệu diễn ra vào tháng 12/2025.

Địa điểm nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện tại Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế, nơi chương trình

đào tạo cử nhân điều dưỡng 4 năm được thiết kế theo lộ trình từ lý thuyết đến thực hành. Trong đó, năm nhất và năm hai sinh viên chủ yếu học các học phần cơ sở, chuyên ngành lý thuyết và thực hành kỹ năng tiền lâm sàng, chưa được bố trí tham gia thực hành lâm sàng tại bệnh viện. Trong năm ba và năm tư sinh viên tham gia thực tập lâm sàng tại bệnh viện dưới sự hướng dẫn của giảng viên và điều dưỡng lâm sàng nhằm phát triển năng lực chăm sóc người bệnh. Do đó, nghiên cứu này chỉ lựa chọn sinh viên điều dưỡng năm ba trở lên nhằm đảm bảo người tham gia đã có trải nghiệm lâm sàng phù hợp với mục tiêu nghiên cứu.

Công cụ và biến số nghiên cứu

Sử dụng bộ câu hỏi tự điền được thiết kế dựa trên các mục tiêu nghiên cứu và khung học thuyết Xã hội hóa nghề nghiệp gồm 3 phần như sau:⁹

Phần 1: Thông tin về nhân khẩu học và học tập gồm: tuổi, giới, khối lớp, nơi sinh sống, học lực, mức độ tự tin về kỹ năng lâm sàng, tham gia các khóa đào tạo/ hoạt động định hướng nghề nghiệp, động cơ chọn ngành điều dưỡng và định hướng sau khi tốt nghiệp.

Phần 2: Thang đo Giá trị nghề nghiệp điều dưỡng (Nurses Professional Values Scale-3 - NPVS-3) được phát triển bởi Weis và Schank (2017), nhằm đánh giá các giá trị nghề nghiệp cốt lõi của điều dưỡng trong thực hành chăm sóc sức khỏe. Thang đo gồm 28 mục, được chia thành ba lĩnh vực: Chăm sóc (Caring) với 10 mục, phản ánh sự cam kết của điều dưỡng đối với người bệnh ở cấp độ cá nhân, gia đình, nhóm hoặc cộng đồng; Hoạt động nghề nghiệp (Activism) gồm 10 mục, tập trung vào vai trò của điều dưỡng trong việc tham gia xây dựng chính sách y tế, cải thiện sức khỏe cộng đồng và bảo vệ tính liên chính của nghề điều dưỡng; và Tính chuyên nghiệp (Professionalism) với 8 mục, đề cập đến thẩm quyền và trách nhiệm

giải trình trong thực hành, cũng như trách nhiệm đối với môi trường làm việc và phát triển nghề nghiệp liên tục. Mỗi mục được đánh giá theo thang Likert 5 mức, từ 1 = không quan trọng đến 5 = rất quan trọng. Tổng điểm của thang đo dao động từ 28 đến 140, trong đó điểm số cao hơn thể hiện mức độ nội tâm hóa giá trị nghề nghiệp cao hơn.⁴

Sau khi nhận được sự cho phép sử dụng của tác giả gốc, thang đo Giá trị nghề nghiệp điều dưỡng được dịch và thích nghi văn hóa theo hướng dẫn của Diane Wild và cộng sự (2005), bao gồm dịch xuôi - dịch ngược, đối chiếu với bản gốc và hiệu chỉnh thông qua đánh giá nhận thức và tham vấn chuyên gia nhằm đảm bảo tính tương đương ngữ nghĩa và văn hóa trước khi sử dụng trong nghiên cứu chính thức.¹⁵ Kết quả của quá trình này cho thấy không có sự thay đổi về nội dung cốt lõi, ý nghĩa khái niệm và cấu trúc của thang đo gốc. Một số điều chỉnh nhỏ về từ ngữ được thực hiện nhằm tăng tính rõ ràng và phù hợp với bối cảnh đào tạo điều dưỡng tại Việt Nam. Giá trị nội dung của thang đo được đánh giá bởi ba chuyên gia điều dưỡng cho thấy chỉ số giá trị nội dung của toàn thang đo rất tốt (S-CVI = 1); đồng thời độ tin cậy nội tại tốt với hệ số Cronbach's alpha là 0,96.

Trong nghiên cứu này, giá trị nghề nghiệp được xác định là biến kết quả; các biến độc lập/biến liên quan bao gồm các đặc điểm nhân khẩu học và đặc điểm liên quan đến học tập.

Phương pháp và quy trình thu thập số liệu:

Nhóm nghiên cứu phối hợp với Ban cán sự các lớp để lấy danh sách sinh viên và sàng lọc các đối tượng đáp ứng tiêu chuẩn lựa chọn của nghiên cứu. Trước khi tiến hành khảo sát, mục tiêu và nội dung nghiên cứu được giải thích rõ ràng cho các đối tượng tham gia nhằm đảm bảo sự tự nguyện và đồng thuận tham gia nghiên cứu. Phiếu khảo sát được phát trực tiếp cho đối tượng nghiên cứu và hướng dẫn cách

trả lời bằng câu hỏi. Thời gian hoàn thành mỗi phiếu khảo sát ước tính khoảng 20 phút. Sau khi hoàn thành, các phiếu khảo sát được thu hồi ngay và kiểm tra sơ bộ nhằm đảm bảo tính đầy đủ của dữ liệu.

Phân tích số liệu

Dữ liệu được nhập và xử lý bằng phần mềm thống kê SPSS 20.0. Thống kê mô tả được sử dụng để trình bày đặc điểm mẫu nghiên cứu và các biến số, bao gồm tần số và tỷ lệ phần trăm đối với biến định tính, giá trị trung bình và độ lệch chuẩn đối với biến định lượng. Phân phối chuẩn của các biến định lượng được kiểm tra bằng kiểm định Kolmogorov-Smirnov/Shapiro-Wilk. Dữ liệu thỏa mãn phân phối chuẩn, các phép kiểm thống kê tham số gồm Independent t-test, One-Way ANOVA và hệ số tương quan Pearson được sử dụng để kiểm tra mối liên quan giữa biến kết quả với các biến độc lập/

biến liên quan. Sau phân tích đơn biến, các biến có $p < 0,05$ được phân tích hậu nghiệm (post-hoc) đối với các biến định tính nhiều nhóm. Chỉ các nhóm có ý nghĩa thống kê sau post-hoc được đưa vào mô hình hồi quy tuyến tính đa biến. Giá trị $p < 0,05$ được xem là có ý nghĩa thống kê.

3. Đạo đức nghiên cứu

Đề cương nghiên cứu được phê duyệt theo Quyết định số 3545/QĐ-ĐHYD ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế. Đối tượng tham gia vào nghiên cứu một cách tự nguyện. Mục đích nghiên cứu được giải thích đầy đủ đến đối tượng nghiên cứu và dữ liệu thu thập được chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu.

III. KẾT QUẢ

1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu (n = 271)

	Biến số	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Tuổi	TB ± ĐLC (GTNN - GTLN)	20,56 ± 0,66	(20 - 25)
Giới tính	Nữ	257	94,8
	Nam	14	5,2
Khối lớp	Năm 3	144	53,1
	Năm 4	127	46,9
Nơi sinh sống	Thành thị	115	42,4
	Nông thôn	156	57,6
Xếp loại học lực của học kỳ trước	Từ Trung bình trở xuống	57	21,0
	Khá	148	54,6
	Từ Giỏi trở lên	66	24,4
Mức độ tự tin về kỹ năng lâm sàng của bản thân	Không tự tin/ Rất không tự tin	39	14,4
	Bình thường	193	71,2
	Tự tin/ Rất tự tin	39	14,3

	Biến số	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Tham gia các khóa đào tạo/ hoạt động định hướng nghề nghiệp	Có	123	45,4
	Không	148	54,6
Động cơ chọn ngành điều dưỡng	Bản thân yêu thích	78	28,8
	Theo định hướng của gia đình	87	32,1
	Cơ hội việc làm/ lương cao	40	14,8
	Khác	66	24,4
Định hướng của bạn sau khi tốt nghiệp	Làm việc tại cơ sở y tế	176	64,9
	Làm việc tại cơ sở giáo dục	5	1,8
	Học chuyên sâu về điều dưỡng	16	5,9
	Làm việc không liên quan đến ngành điều dưỡng	9	3,3
	Khác	65	24

Đối tượng nghiên cứu có độ tuổi trung bình $20,56 \pm 0,66$, chủ yếu là nữ (94,8%). Sinh viên năm 3 và năm 4 chiếm tỷ lệ tương đương; phần lớn sinh sống ở khu vực nông thôn (57,6%) và sinh viên có học lực khá chiếm phần lớn (trên 54,6%). Mức độ tự tin kỹ năng lâm sàng ở mức bình thường chiếm tỷ lệ cao (71,2%). Gần một nửa đối tượng nghiên cứu đã tham gia các hoạt

động định hướng nghề nghiệp. Động cơ chọn ngành đa dạng, trong đó yêu thích cá nhân và định hướng gia đình chiếm tỷ lệ cao. Phần lớn sinh viên định hướng làm việc tại các cơ sở y tế sau khi tốt nghiệp chiếm 64,9%.

2. Nhận thức về giá trị nghề nghiệp của đối tượng nghiên cứu

Bảng 2. Điểm giá trị nghề nghiệp và các lĩnh vực (n = 271)

Nội dung	Trung bình \pm Độ lệch chuẩn	Giá trị nhỏ nhất - Giá trị lớn nhất
Tổng điểm giá trị nghề nghiệp (28 mục)	96,8 \pm 11,5	70 - 136
Tổng điểm lĩnh vực chăm sóc (10 mục)	35,9 \pm 4,8	25 - 49
Tổng điểm lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp (10 mục)	34,5 \pm 4,8	21 - 50
Tổng điểm lĩnh vực tính chuyên nghiệp (8 mục)	26,5 \pm 3,4	19 - 39

Tổng điểm giá trị nghề nghiệp của đối tượng nghiên cứu là $96,8 \pm 11,5$, đạt ở mức trung bình khá; trong đó lĩnh vực chăm sóc có điểm cao

nhất với $35,9 \pm 4,8$ và thấp nhất là lĩnh vực tính chuyên nghiệp với tổng điểm là $26,5 \pm 3,4$.

3. Các yếu tố liên quan đến giá trị nghề nghiệp

Bảng 3. Mối liên quan giữa đặc điểm chung với giá trị nghề nghiệp (n = 271)

Biến số		Trung bình ± Độ lệch chuẩn	p
Tuổi		20,56 ± 0,66 (20 - 25)	0,33*
Giới tính	Nữ	96,7 ± 11,1	0,49**
	Nam	99,9 ± 16,8	
Khối lớp	Năm 3	97,1 ± 11,6	0,7**
	Năm 4	96,6 ± 11,4	
Nơi sinh sống	Thành thị	97,7 ± 12,4	0,33**
	Nông thôn	96,3 ± 10,8	
Xếp loại học lực của học kỳ trước	Từ Trung bình trở xuống	96,1 ± 11,6	0,035***
	Khá ^a	95,8 ± 10,9	
	Từ Giỏi trở lên ^b	100,0 ± 12,3	
Mức độ tự tin về kỹ năng lâm sàng của bản thân	Không tự tin/ Rất không tự tin	96,3 ± 11,9	0,014***
	Bình thường ^a	95,9 ± 10,9	
	Tự tin/ Rất tự tin ^b	101,8 ± 12,6	
Tham gia các khóa đào tạo/ hoạt động định hướng nghề nghiệp	Có	98,0 ± 11,9	0,13**
	Không	95,9 ± 11,0	
Động cơ chọn ngành điều dưỡng	Bản thân yêu thích	98,3 ± 10,4	0,481***
	Theo định hướng của gia đình	96,1 ± 11,3	
	Cơ hội việc làm/ lương cao	95,2 ± 13,8	
	Khác	97,1 ± 11,4	
Định hướng của bạn sau khi tốt nghiệp	Làm việc tại các cơ sở y tế	97,3 ± 11,4	0,765***
	Làm việc tại các cơ sở giáo dục	97,6 ± 8,3	
	Học chuyên sâu về điều dưỡng	94,1 ± 8,4	
	Làm việc không liên quan đến ngành điều dưỡng	99,1 ± 14,8	
	Khác	96,1 ± 12,2	

* Pearson test, ** Independent t-test, *** One-Way ANOVA

^{a, b} biểu thị sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với p < 0,05 (Turkey HSD)

Có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa học lực và mức độ tự tin về kỹ năng lâm sàng với giá trị nghề nghiệp ($p < 0,05$). Chưa tìm thấy mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa giá trị nghề nghiệp và các biến còn lại ($p > 0,05$).

Phân tích hậu nghiệm (post-hoc) Turkey HSD cho thấy sinh viên có học lực từ giỏi trở

lên có điểm nhận thức về giá trị nghề nghiệp cao hơn có ý nghĩa thống kê so với nhóm sinh viên có học lực khá ($p < 0,05$). Hơn nữa, sinh viên có mức tự tin về kỹ năng lâm sàng có điểm nhận thức về giá trị nghề nghiệp cao hơn có ý nghĩa thống kê so với nhóm sinh viên có mức tự tin bình thường ($p < 0,05$).

Bảng 4. Mô hình hồi quy tuyến tính đa biến giữa các yếu tố liên quan đến giá trị nghề nghiệp (n = 271)

Biến số	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa	95% CI	p
	B	SE	β		
Học lực (Từ Giỏi trở lên)	4,02	1,59	0,15	0,89 - 7,14	0,012
Mức độ tự tin về kỹ năng lâm sàng (Tự tin/ Rất tự tin)	5,60	1,94	0,17	1,78 - 9,42	0,004
F = 7,547; p* = 0,001; R² = 0,054					

* Hồi quy tuyến tính đa biến

Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính đa biến cho thấy mô hình có ý nghĩa thống kê ($F = 7,547$; $p = 0,001$), với $R^2 = 0,054$, cho thấy các biến trong mô hình giải thích khoảng 5,4% sự biến thiên của giá trị nghề nghiệp. Học lực từ giỏi trở lên ($\beta = 0,15$; $p = 0,012$), và mức tự tin/ rất tự tin về kỹ năng lâm sàng ($\beta = 0,17$; $p = 0,004$) đều có mối liên quan độc lập với nhận thức về giá trị nghề nghiệp. Trong đó, mức độ tự tin về kỹ năng lâm sàng là yếu tố có giá trị tiên lượng lớn nhất trong mô hình.

IV. BÀN LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên điều dưỡng đạt điểm trung bình tổng nhận thức về giá trị nghề nghiệp là $96,8 \pm 11,5$ trên tổng 140 điểm, cao hơn giá trị trung bình lý thuyết của thang đo NPVS-3, phản ánh mức độ nhận thức về giá trị nghề nghiệp ở mức trung bình khá,

cho thấy quá trình hình thành và nội hóa các giá trị nghề nghiệp đã và đang diễn ra, nhưng chưa thực sự vững chắc và ổn định. Điều này tương đồng với các nghiên cứu trong và ngoài nước khi ghi nhận sinh viên điều dưỡng thường đạt mức trung bình đến trung bình khá hoặc cao về nhận thức giá trị nghề nghiệp trong quá trình đào tạo, cho thấy giáo dục điều dưỡng đã bước đầu giúp sinh viên tiếp cận và nội hóa các giá trị cốt lõi của nghề.^{3,11,14,16} Tuy nhiên, mức điểm chưa đạt cao có thể xuất phát từ việc sinh viên vẫn đang trong quá trình xã hội hóa nghề nghiệp, thời lượng và chiều sâu kinh nghiệm thực hành chưa đủ dài và trải nghiệm đạo đức lâm sàng còn hạn chế, nên các giá trị nghề nghiệp chưa được củng cố đầy đủ và ổn định qua những tình huống đạo đức phức tạp.

Trong ba lĩnh vực cấu thành giá trị nghề nghiệp, lĩnh vực chăm sóc được sinh viên đánh

giá cao nhất với tổng điểm $35,9 \pm 4,8$, tiếp đến là lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp với tổng điểm $34,5 \pm 4,8$ trong khi lĩnh vực tính chuyên nghiệp có mức thấp nhất với $26,5 \pm 3,4$ điểm. Xu hướng này phù hợp với nhiều nghiên cứu trước đó khi cho thấy các giá trị liên quan trực tiếp đến chăm sóc người bệnh như tôn trọng, nhân ái, bảo vệ quyền lợi người bệnh thường được sinh viên coi trọng nhất.^{3,14,16} Điều này có thể xuất phát từ đặc thù của chương trình đào tạo điều dưỡng, trong đó trọng tâm là thực hành chăm sóc và tiếp xúc trực tiếp với người bệnh, giúp sinh viên dễ dàng nhận diện và trải nghiệm các giá trị này trong thực tiễn. Ngược lại, lĩnh vực tính chuyên nghiệp có mức độ nhận thức thấp hơn, tương đồng với nhận định của tác giả Weis và Schank (2017) cũng như Fisher (2014), cho rằng các giá trị như tham gia xây dựng chính sách, nghiên cứu khoa học, vai trò lãnh đạo và vận động xã hội thường ít được nhấn mạnh trong đào tạo bậc đại học và khó tiếp cận đối với sinh viên trong giai đoạn đào tạo ban đầu.^{4,5} Điều này cho thấy sinh viên chưa nhận thức đầy đủ vai trò xã hội rộng lớn và tính tự chủ nghề nghiệp của điều dưỡng, một vấn đề đã được Kaya và Boz (2019) đề cập trong mô hình phát triển giá trị nghề nghiệp điều dưỡng.⁶ Do đó, từ góc độ hàm ý thực tiễn và khuyến nghị đào tạo, việc tích hợp các phương pháp giảng dạy tích cực như học tập dựa trên tình huống, thảo luận đạo đức, mô phỏng lâm sàng và phản tư nghề nghiệp vào chương trình đào tạo sẽ giúp sinh viên phát triển nhận thức nghề nghiệp toàn diện hơn. Đồng thời, nên tăng cường các nội dung về vai trò chuyên nghiệp, lãnh đạo, nghiên cứu khoa học và tham gia xây dựng chính sách trong giáo dục bậc đại học để mở rộng phạm vi nhận thức nghề điều dưỡng từ chăm sóc trực tiếp đến các khía cạnh nghề nghiệp rộng lớn hơn.

Phân tích đơn biến cho thấy, học lực và

mức độ tự tin về kỹ năng lâm sàng là hai yếu tố có liên quan có ý nghĩa thống kê với nhận thức về giá trị nghề nghiệp. Khi đưa vào mô hình hồi quy tuyến tính đa biến, cả hai yếu tố này vẫn duy trì mối liên quan độc lập và có ý nghĩa thống kê với nhận thức về giá trị nghề nghiệp, cho thấy vai trò tương đối bền vững của chúng sau khi đã kiểm soát các yếu tố khác. Cụ thể, sinh viên có học lực cao hơn có điểm nhận thức về giá trị nghề nghiệp cao hơn ($\beta = 0,15$; $p = 0,012$). Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Poorchangizi và cộng sự (2019), cho thấy sinh viên có GPA cao hơn có xu hướng nhận thức giá trị nghề nghiệp rõ rệt hơn.¹ Điều này chỉ ra rằng thành tích học tập có thể phản ánh khả năng tiếp thu các giá trị đạo đức, tư duy phản biện và cam kết nghề nghiệp được giảng dạy trong chương trình điều dưỡng. Việc tiếp thu kiến thức chuyên môn và lý thuyết đạo đức tốt hơn có thể giúp sinh viên hiểu sâu sắc hơn ý nghĩa, trách nhiệm và chuẩn mực của nghề điều dưỡng, từ đó góp phần củng cố hệ giá trị nghề nghiệp.

Đáng chú ý, mức độ tự tin về kỹ năng lâm sàng ($\beta = 0,17$; $p = 0,004$) được xác định là yếu tố có giá trị tiên lượng tương đối mạnh hơn so với học lực. Điều này phù hợp với bằng chứng từ nghiên cứu của Lee và cộng sự (2023), khi họ phát hiện thấy sinh viên có giá trị nghề nghiệp mạnh hơn cũng có mức độ tự tin vào kỹ năng lâm sàng cao hơn ($r = 0,383$, $p < 0,001$).¹⁷ Phát hiện này cho thấy khi sinh viên cảm nhận được năng lực của bản thân trong thực hành chăm sóc người bệnh, họ có xu hướng đánh giá cao hơn các giá trị nghề nghiệp như trách nhiệm, chăm sóc nhân văn và tính chuyên nghiệp. Điều này phù hợp với khung học thuyết xã hội hóa nghề nghiệp, theo đó các trải nghiệm lâm sàng tích cực đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành bản sắc và hệ giá trị nghề nghiệp của sinh viên điều dưỡng.

Mặc dù mô hình hồi quy chỉ giải thích một tỷ lệ khiêm tốn, khoảng 5,4% sự biến thiên của giá trị nghề nghiệp, điều này phù hợp với các phát hiện trong nghiên cứu trước đó khi người ta nhận thấy quá trình hình thành giá trị nghề nghiệp là một quá trình phức tạp, đa chiều và chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố cá nhân, giáo dục và bối cảnh văn hóa - xã hội.^{9,13} Điều này cho thấy ngoài học lực và kỹ năng lâm sàng, các yếu tố như môi trường thực hành, vai trò hình mẫu của giảng viên và điều dưỡng lâm sàng, cũng như văn hóa tổ chức y tế có thể đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển giá trị nghề nghiệp của sinh viên điều dưỡng. Tuy vậy, các phát hiện của nghiên cứu vẫn nhấn mạnh vai trò của việc nâng cao chất lượng đào tạo học thuật và tăng cường hỗ trợ sinh viên trong thực hành lâm sàng nhằm thúc đẩy sự phát triển hệ giá trị nghề nghiệp trong đào tạo điều dưỡng.

Tổng thể, các phát hiện của nghiên cứu cho thấy nhận thức về giá trị nghề nghiệp của sinh viên điều dưỡng chịu ảnh hưởng đồng thời của năng lực học tập và trải nghiệm lâm sàng. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu gần đây nhấn mạnh rằng giáo dục điều dưỡng cần được thiết kế toàn diện, kết hợp hài hòa giữa kiến thức chuyên môn, thực hành lâm sàng và giáo dục giá trị nghề nghiệp để thúc đẩy sự phát triển nghề nghiệp bền vững ở sinh viên.¹⁸

HẠN CHẾ NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu này có một số hạn chế cần được xem xét khi diễn giải kết quả. Thứ nhất, thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang chỉ cho phép xác định mối liên quan giữa các biến, chưa thể suy luận mối quan hệ nhân quả. Thứ hai, nghiên cứu được thực hiện tại một cơ sở đào tạo duy nhất với cỡ mẫu thuận tiện, do đó khả năng khái quát hóa kết quả cho sinh viên điều dưỡng ở các cơ sở đào tạo khác còn hạn chế. Thứ ba, dữ liệu được thu thập bằng bảng hỏi tự điền, có thể chịu ảnh hưởng của sai lệch hồi tưởng

và sai lệch xã hội mong muốn. Cuối cùng, mô hình hồi quy giải thích một tỷ lệ khiêm tốn sự biến thiên của nhận thức về giá trị nghề nghiệp, cho thấy còn nhiều yếu tố khác như môi trường thực hành, vai trò hình mẫu của giảng viên và điều dưỡng lâm sàng, cũng như bối cảnh văn hóa - xã hội chưa được xem xét trong nghiên cứu này. Do đó, các nghiên cứu trong tương lai với thiết kế đa trung tâm, cỡ mẫu lớn hơn và phương pháp tiếp cận đa dạng hơn là cần thiết nhằm làm sáng tỏ toàn diện các yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức về giá trị nghề nghiệp của sinh viên điều dưỡng.

V. KẾT LUẬN

Nghiên cứu cho thấy nhận thức về giá trị nghề nghiệp của sinh viên điều dưỡng năm 3 và năm 4 tại Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế đạt mức trung bình khá. Các yếu tố học lực, mức độ tự tin về kỹ năng lâm sàng có mối liên quan có ý nghĩa thống kê với nhận thức về giá trị nghề nghiệp. Trong đó, sinh viên có học lực từ giỏi trở lên và sinh viên tự tin về kỹ năng lâm sàng của bản thân có điểm nhận thức về giá trị nghề nghiệp cao hơn. Từ kết quả này, nghiên cứu có thể kiến nghị cơ sở đào tạo điều dưỡng cần chú trọng nâng cao chất lượng đào tạo học thuật và tăng cường hỗ trợ sinh viên trong quá trình thực hành lâm sàng nhằm cải thiện kết quả học tập và nâng cao sự tự tin về kỹ năng lâm sàng. Đồng thời tích hợp có hệ thống nội dung giáo dục giá trị nghề nghiệp vào chương trình đào tạo, gắn kết với các trải nghiệm lâm sàng có hướng dẫn, có thể góp phần thúc đẩy sự hình thành và phát triển nhận thức về giá trị nghề nghiệp ở sinh viên điều dưỡng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Poorchangizi B, Borhani F, Abbaszadeh A, et al. The importance of professional values from nursing students' perspective. *BMC nursing*. 2019; 18(1): 26. doi:10.1186/s12912-019-0351-1.

2. Rokeach M. The nature of human values. *NSF Award*. 1972; 72(7205473): 5473. <https://psycnet.apa.org/record/2011-15663-000>.
3. Podgorica N, Rached CDA, Crescente NY, et al. Nursing Professional Values Scale (NPVS-3) in an Austrian context: validation of a scale and reliability assessment. *BMC nursing*. 2024; 23(1): 510.
4. Weis D, Schank MJ. Development and psychometric evaluation of the nurses professional values scale-3. *Journal of nursing measurement*. 2017;25(3):400-410.
5. Fisher M. A comparison of professional value development among pre-licensure nursing students in associate degree, diploma, and bachelor of science in nursing programs. *Nursing education perspectives*. 2014; 35(1): 37-42. doi:10.5480/11-729.1
6. Kaya A, Boz İ. The development of the professional values model in nursing. *Nursing ethics*. 2019; 26(3): 914-923. doi:10.1177/0969733017730685.
7. World Health Organization. *State of the world's nursing 2020: Investing in education, jobs and leadership*. World Health Organization; 2020.
8. Shahriari M, Mohammadi E, Abbaszadeh A, et al. Perceived ethical values by Iranian nurses. *Nursing ethics*. 2012; 19(1): 30-44. doi:10.1177/0969733011408169.
9. Dinmohammadi M, Peyrovi H, Mehrdad N. Concept analysis of professional socialization in nursing. *Wiley Online Library*; 2013; 48(1): 26-34. doi:10.1111/nuf.12006.
10. Martin P, Yarbrough S, Alfred D. Professional values held by baccalaureate and associate degree nursing students. *Journal of Nursing Scholarship*. 2003; 35(3): 291-296. doi:10.1111/j.1547-5069.2003.00291.x.
11. Subih M, Al Hadid L, Al Omari D, et al. Professional values development among Jordanian baccalaureate nursing students. *Nursing education perspectives*. 2021; 42(6): E26-E30.
12. Abdullah KL, Chong MC. Factors influencing professional values among Indonesian undergraduate nursing students. *Nurse education in practice*. 2019; 41: 102648. doi: 10.1016/j.nepr.2019.102648.
13. Parandeh A, Khaghanizade M, Mohammadi E, et al. Factors influencing development of professional values among nursing students and instructors: a systematic review. *Global journal of health science*. 2014; 7(2): 284. doi:10.5539/gjhs.v7n2p284.
14. Lê Thị Kim Anh, Lê Thị Hoàn, Huỳnh Thụy Phương Hồng. Quan điểm về giá trị nghề nghiệp điều dưỡng ở sinh viên Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh và các yếu tố liên quan. *Tạp chí Y học Việt Nam*. 2024; 539(2).
15. Wild D, Grove A, Martin M, et al. Principles of good practice for the translation and cultural adaptation process for patient-reported outcomes (PRO) measures: report of the ISPOR task force for translation and cultural adaptation. *Value in health*. 2005; 8(2): 94-104.
16. Rached CDA, Vieira GS, Melo FAB, et al. Nursing students' professional values for reinforcing the professional identity. *Revista brasileira de enfermagem*. 2023; 76(Suppl 3):e20220338.
17. Lee J, Choi J, Kim J, et al. The relationship between On-Site clinical practice, nursing Professional Value, and nursing clinical self-efficacy during COVID-19: a cross-sectional study. *Journal of multidisciplinary healthcare*. 2023: 4163-4172.
18. Li J, Li X. Professional values education for undergraduate nursing students: developing a framework based on the professional values growth theory. *BMC nursing*. 2024; 23(1): 226.

Summary

SURVEY ON NURSING STUDENTS' PERCEPTIONS OF PROFESSIONAL VALUES AT THE UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY, HUE UNIVERSITY IN 2025

This study aimed to describe nursing students' perceptions of professional values and to identify related factors among third- and fourth-year nursing students at Hue University of Medicine and Pharmacy. A cross-sectional descriptive design was conducted with 271 students using the Nurse Professional Values Scale-3 (NPVS-3). The results showed that nursing students' perceptions of professional values were at a moderate to high level; among the three domains, the caring domain scored the highest, whereas the professionalism domain scored lowest. Academic performance and confidence in clinical skills were significantly associated with perceptions of professional values. Students with good to excellent academic achievement and those who were confident in their clinical skills reported higher levels of perceived professional values. These findings highlight the important roles of academic competence and clinical practice experience in the development of nursing students' professional values. Accordingly, the study suggests that nursing education institutions should focus on improving the quality of academic training and strengthening support for clinical practice in order to enhance students' confidence in their skills and promote the development of professional values.

Keywords: Professional values, nursing students, nursing.